TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 10-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Minh Tư

Bà Triệu Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023, tại Hội trường xét xử Hình sự Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2023/TLST-HS ngày 13/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HS ngày 30/01/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T; sinh ngày 21/8/1979 tại thành phố H; nơi cư trú: Tổ 08 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1940 *(đã chết)* và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1949; vợ, con: Không có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 30/10/2014 bị Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang tuyên phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; nhân thân: Ngày 07/5/2002 bị Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú T xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý"; Ngày 12/7/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Giang tuyên phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. *(có mặt)*

- *Bị hại:*

1. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 17 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

2. Bà Nguyễn Thị Việt H, sinh năm 1980; địa chỉ: SN 26 đường Lý Công Uẩn, tổ 13 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

3. Ông Vũ Hoàng N, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 408 đường Lý Tự Trọng, tổ 14 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *(có đơn xin xét xử vắng*

mặt)

4. Bà Hoàng Thị U, sinh năm 1961; địa chỉ: SN 41 đường Nguyễn Viết Xuân, tổ 12 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

5. Ông Lê Thành S, sinh năm 1980; địa chỉ: SN 59B đường Lý Thường Kiệt, tổ 15 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: SN 12, tổ 12 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 07 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

2. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ 08 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 28/11/2022 Nguyễn Hữu T lên cơn nghiện ma túy nhưng không có tiền để mua ma túy nên đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Do hàng ngày T thường xuyên đi quanh thành phố và để ý thấy nhiều hộ gia đình có đặt cầu dắt xe lên xuống bằng kim loại ở trước cửa nhà nhưng buổi tối không cất vào nên T điều khiển chiếc xe máy điện đi đến khu vực cách nhà khoảng 50 mét thì dừng xe tháo biển kiểm soát của xe và bỏ vào trong cốp. T điều khiển xe quanh khu vực thành phố H để quan sát xem có nhà nào để cầu dắt xe lên xuống ở trước cửa thì dừng xe gần đó đi bộ vào dùng tay lắc và nhấc thử lên xem nếu được gắn cố định thì bỏ đi, còn không được gắn cố định thì sẽ lấy trộm mang ra đặt ở sàn để chân của xe máy điện rồi chở đi cất giấu ở bụi tre trước cửa biệt thự số HG 01-11, khu đô thị VinCom thuộc tổ 12, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang để bán lấy tiền mua ma tuý. Sau mỗi lần lấy được bậc dắt xe bằng kim loại T đều mang đến cất giấu ở đó rồi lại tiếp tục đi tìm để lấy trộm tiếp, bằng phương thức, thủ đoạn này với thời gian từ khoảng 01 giờ đến khi bị tổ tuần tra Công an phường T phát hiện là 02 giờ 40 phút T đã thực hiện hành vi lấy trộm được 07 chiếc bậc dắt xe của 07 hộ gia đình, cụ thể: **Lần 1:** T điều khiển xe máy điện đi đến gần số nhà 41 đường Nguyễn Viết Xuân, tổ 12 phường T, thành phố H *(nhà bà Hoàng Thị U)* T dùng hai tay nhấc thử thấy bậc dắt xe không được gắn cố định nên T đã nhấc lên xe chở đi cất giấu; **Lần thứ 2:** T tiếp tục quay lại khu vực gần nhà bà Uyên quan sát thấy trước cửa số nhà 12, Tổ 12 phường T, thành phố H *(nhà chị Nguyễn Thị T)* có 01 bậc lên xuống xe bằng kim loại T tiến đến lấy trộm rồi chở đến vị trí cất giấu; **Lần thứ 3:** T tiếp tục đi đến trước cửa số nhà 148B, tổ 19 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang *(là quán bán nước của bà Phạm Thị Thu H)* có đặt 02 chiếc bậc lên xuống xe bằng kim loại T dừng xe ở ngoài đường rồi đi bộ vào nhấc thử thì thấy có một chiếc không gắn cố định nên T đã nhấc ra xe và quay lại khu đô thị Vincom cất giấu; **Lần thứ 4:** T tiếp tục lấy trộm tại số nhà 26, đường Lý Công Uẩn, tổ 13, phường T, thành phố H, gần khu

vực đô thị Vincom *(của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Việt H)* 01 bậc lên xuống xe rồi mang đi cất giấu; **Lần thứ 5:** T tiếp tục đến số nhà 408, đường Lý Tự Trọng, tổ 14 phường T, thành phố H *(gia đình ông Vũ Hoàng N)* lấy trộm được 01 bậc lên xuống xe mang đi cất giấu; **Lần thứ 6:** T tiếp tục đi tìm ở các trục đường quanh khu vực khu đô thị Vincom thì phát hiện 01 chiếc bậc lên xuống xe bằng kim loại đặt ở trước cửa một hộ gia đình *(T không nhớ đặc điểm, vị trí ngôi nhà như thế nào)*, T nhấc chiếc bậc để ra xe mang đến nơi cất giấu; **Lần thứ 7:** Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi cất giấu chiếc bậc thứ sáu. Trên đường đi về nhà, T phát hiện 01 chiếc bậc lên xuống xe bằng sắt ở trước cửa một hộ gia đình *(T không nhớ đặc điểm, vị trí ngôi nhà như thế nào)*. T dừng xe đi vào kiểm tra và nhấc chiếc bậc mang ra xe chở đến khu vực cổng sau Uỷ ban nhân dân thành phố H, thuộc đường Hoàng Hoa Thám, tổ 06 phường T, thành phố H để cất giấu. Khi đến nơi T dựng xe ở ngoài đường và nhấc chiếc bậc kim loại để vào tường rào phía trong cổng Ủy ban thì gặp tổ tuần tra của Công an phường T phát hiện đưa T về trụ sở để xác minh làm rõ.

Tại Cơ quan Công an phường T, thành phố H, T đã khai báo hành vi trộm cắp tài sản là 07 chiếc bậc dắt xe lên xuống bằng kim loại của mình. Công an phường T đã tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu của Nguyễn Hữu T, kết quả có phản ứng dương tính với chất ma túy MOP. Đồng thời công an đã thu giữ toàn bộ 07 chiếc bậc dắt xe mà T đã trộm cắp được.

Ngoài hành vi trộm cắp 07 chiếc bậc dắt xe bằng kim loại nói trên, T khai vào khoảng 01 giờ ngày 20/11/2022 do cần tiền để mua ma túy nên T điều khiển chiếc xe máy điện đến khu vực dốc dài thuộc đường Lý Thường Kiệt, phường T, thành phố H. Đến gần cửa hàng của ông Lê Thành S tại số nhà 59B đường Lý Thường Kiệt, tổ 15 phường T, thành phố H, T nhìn thấy trên vỉa hè phía trước cửa hàng có để hàng hóa mà không có ai trông coi, cửa nhà bên trong đang đóng *(do số hàng hóa này vừa được vận chuyển đến, ông S chưa kịp cất vào nhà)*. Lúc này, ngoài đường không có người đi lại nên T đã lấy trộm một dây 06 chiếc xoong *(Nồi)* ra đặt ở sàn xe máy điện rồi mang đi cất giấu tại khu vực chân tháp truyền thông, đường đi xuống tầng âm khách sạn Yên Biên thuộc trục đường Bạch Đằng, tổ 05 phường N, thành phố H. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày T thấy một người phụ nữ thu mua phế liệu nên đã gọi bán 06 chiếc xoong *(Nồi)* với giá 400.000đ. Số tiền này T đã sử dụng mua ma tuý và tiêu xài cá nhân hết.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS, ngày 01/12/2022, của Hội đồng định giá tài sản thành phố H, tỉnh Hà Giang kết luận: 06 chiếc xoong (Nồi) bằng kim loại có giá trị trên hồ sơ là 2.450.000đ *(Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐĐGTS, ngày 02/12/2022, của Hội đồng định giá tài sản thành phố H, tỉnh Hà Giang kết luận: 07 chiếc bậc dắt xe lên xuống bằng kim loại có tổng giá trị tài sản thực tế là 3.301.375đ *(Ba triệu ba trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSTPHG ngày 12/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan điều tra thu thập được. Bị cáo có thái độ thành khẩn, xin được HĐXX xem xét, giảm nhẹ tội.

Tại phiên toà các bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa, sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 BLHS đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 24 đến 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/11/2022.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền do bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu số tiền 400.000đ do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung ngân sách nhà nước:

- 01 bậc lên xuống xe được hàn bằng kim loại có kích thước 78x50x20cm, nặng 12 kg, đã qua sử dụng; 01 bậc lên xuống xe bằng kim loại có kích thước 120x71x5cm, nặng 26kg, đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát, nhất trí với tội danh, khung hình phạt và các nội dung khác mà Kiểm sát viên đã nêu trong bản luận tội.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm trở về chăm sóc mẹ già, làm người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như Q: Xét thấy ác bị hại và bà Quỳnh đã có đơn xin xét xử

vắng mặt, đồng thời đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại và bà Q là có căn cứ.

[3] Căn cứ định tội và định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra *(BL192-222);* phù hợp với lời khai của các bị hại *(BL 226-261)*; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan *(BL262-267);* Kết luận định giá tài sản *(BL42-74);* Biên bản, bản ảnh xác định hiện trường *(BL134-191)* nhận dạng *(BL75-89)* và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 01 giờ, ngày 28/11/2022, Nguyễn Hữu T đã có hành vi trộm cắp 07 bậc dắt xe lên xuống bằng kim loại của các hộ gia đình có tổng trị giá là 3.301.375,đ. Ngoài ra ngày 20/11/2022 T đã có hành vi trộm cắp 06 chiếc xoong *(nồi)* đúc bằng kim loại tại cửa hàng của ông Lê Thành S có giá trị là 2.450.000,đ để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tổng số tài sản T trộm cắp được có giá trị là 5.751.375,đ. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[4] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt như đã nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây hoang mang bất bình trong dư luận. Bị cáo Nguyễn Hữu T khai nhận bản thân là người nghiện chất ma túy, để có tiền phục vụ nhu cầu của bản thân bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần. Bị cáo đã có 01 tiền án và có nhân thân xấu, bị cáo không lấy đó là bài học rút kinh nghiệm cho bản thân, lo làm ăn lương thiện mà lại cố tình thực hiện hành vi trộm cắp, điều này thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường kỷ cương phép nước của bị cáo. Do đó hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm minh, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bản thân là người nghiện ma tuý. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong 2 ngày là ngày 20/11/2022 và ngày 28/11/2022; bị cáo đã có 01 tiền án về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* tại thời điểm thực hiện hành phạm tội chưa được xoá án tích. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*" và "*Tái phạm*", quy định tại Điểm g, h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra trong quá trình điều tra ông Nguyễn Thành Sơn đã có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51Bộ luật Hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-CQĐT, ngày 20/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã tiến hành trả lại tài sản cho chủ sở hữu gồm: 01 bậc lên xuống xe được hàn bằng kim loại có kích thước 73x60x12cm, nặng 09 kg *(đã qua sử dụng)* cho bà Hoàng Thị U; 01 bậc lên xuống xe được hàn bằng kim loại có kích thước 72x80x20cm, nặng 13 kg *(đã qua sử dụng)* cho bà Nguyễn Thị T; 01 bậc lên xuống xe được hàn bằng kim loại có kích thước 140x50x17cm, nặng 26 kg *(đã qua sử dụng)* cho bà Phạm Thị Thu H; 01 bậc lên xuống xe được hàn bằng kim loại có kích thước 38x70x11cm, nặng 06 kg *(đã qua sử dụng)* cho ông Vũ Hoàng N; 01 bậc lên xuống xe được hàn bằng kim loại có kích thước 41x100x10cm, nặng 12,5 kg *(đã qua sử dụng)* cho bà Nguyễn Thị Việt H là có căn cứ; Căn cứ Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ-CQĐT, ngày 30/12/2022 Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã trả cho bà Nguyễn Thị Như Q 01 chiếc xe máy điện, màu sơn: Đen; Nhãn hiệu SUNRA XMEN; Số khung: RPLYBEHUMG6000939; Số máy: CZSBEH003023; Biển kiểm soát 23MĐ1-026.88 *(đã qua sử dụng)*. Sau khi nhận lại tài sản không ai có yêu cầu, đề nghị gì do đó việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với 02 chiếc bậc lên xuống xe còn lại Cơ quan điều tra đã ra thông báo số 02/TB-CQĐT, ngày 15/12/2022, về việc tìm bị hại trong vụ án hình sự nhưng đến nay không có ai đến nhận. Xét thấy cần tịch thu để sung ngân sách nhà nước.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[12] Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS truy thu số tiền 400.000đ do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có.

[13] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý *(Heroin)* của bị cáo. Ngày 03/01/2023, Công an thành phố H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức *"Cảnh cáo"* đối với Nguyễn Hữu T về hành vi "*Sử dụng trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại Khoản 1, Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là có căn cứ.

[14] Đối với người phụ nữ đã mua 06 chiếc xoong *(Nồi)* và người bán ma tuý cho bị cáo Nguyễn Hữu T hiện chưa xác định được danh tính, địa chỉ, lai lịch.

Đề nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[15] Đối với chiếc xe máy điện, biển kiểm soát 23MĐ1-026.88 là tài sản của chị Nguyễn Thị Như Q cho mẹ đẻ là bà Trịnh Thị H mượn để sử dụng hàng ngày. Khi T lấy xe để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bà H, chị Q không biết, do đó không đề cập xử lý.

[16] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 28/11/2022.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu T với thời hạn là 45 *(bốn mươi lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về Biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 400.000đ *(Bốn trăm nghìn đồng)* do bị cáo bán tài sản trộm cắp được mà có.

5. Về vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 chiếc bậc lên xuống xe, gồm: 01 bậc lên xuống được hàn bằng kim loại có kích thước 78x50x20 cm, nặng 12kg *(đã qua sử dụng);* 01 bậc lên xuống được hàn bằng kim loại có kích thước 120x71x05 cm, nặng 26kg *(đã qua sử dụng)* hiện đang lưu tại kho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2023 giữa Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

6. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Hà Giang;
- Nhà Tạm giữ CA TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ HS-BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Vũ Mỹ Lệ